

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-5-2025

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thanh Hải, bà Lê Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Lê Việt Cường, bà Phạm Thị Thu H – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thanh H1, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số A, ngõ M, tổ E, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc V - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Phạm Thanh H1 trình bày:

Bà kết hôn với và ông Hoàng Văn Q (sinh ngày 07/3/1971) vào ngày 25/4/1989, trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là phường H, thành phố Y, tỉnh

Yên Bái). Tại thời điểm kết hôn ông Q chưa đến 20 tuổi, chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình nên khi kê khai đăng ký kết hôn, ông Q đã khai tại thời điểm kết hôn là 22 tuổi để đủ tuổi kết hôn. Cán bộ đăng ký đã ghi thông tin theo lời trình bày của ông Q. Cùng ngày, UBND phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng bà. Do đó, trên giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường H, thị xã Y cấp thể hiện ông Hoàng Văn Q 22 tuổi, thực tế thời điểm kết hôn ông Q mới 18 tuổi 01 tháng 18 ngày. Các giấy tờ như giấy khai sinh, các giấy tờ cá nhân của ông Q đều thể hiện ngày tháng năm sinh theo thông tin đúng của ông Q là ngày 07/3/1971.

Sau khi kết hôn, bà và ông Q chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến xô xát cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho bà được ly hôn ông Q.

Về nuôi con: Bà và ông Q có 01 con chung là: Hoàng Thị Kim A, sinh ngày 22/9/1989, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của ông Hoàng Văn Q, thể hiện:

Ông kết hôn với và bà Phạm Thanh H1 ngày 25/4/1989, trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái). Tại thời điểm kết hôn ông chưa đến 20 tuổi, chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình nên khi kê khai đăng ký kết hôn, ông đã khai tại thời điểm kết hôn là 22 tuổi để đủ tuổi kết hôn. Cán bộ đăng ký đã ghi thông tin theo lời trình bày của ông. Cùng ngày, UBND phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng ông. Do đó, trên giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường H, thị xã Y cấp thể hiện thông tin ông Hoàng Văn Q 22 tuổi, thực tế thời điểm kết hôn ông mới 18 tuổi 01 tháng 18 ngày. Các giấy tờ cá nhân của ông đều thể hiện ngày tháng năm sinh theo thông tin đúng của ông đều là ngày 07/3/1971.

Sau khi kết hôn, ông và bà H1 chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến xô xát cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho ông được ly hôn bà H1.

Về con chung: Ông và bà H1 có 01 con chung là: Hoàng Thị Kim A, sinh ngày 22/9/1989, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 05 tháng 5 năm 2025, ông Phạm Ngọc T – Chủ tịch UBND phường H, thành phố Y trình bày:

Qua tra soát tài liệu, hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y hiện nay hồ sơ giấy xin đăng ký kết hôn của bà Phạm Thanh H1 và ông Hoàng Văn Q do thời gian quá lâu, không còn lưu trữ được. Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn được lập năm 1989 được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y thể hiện: Ông Hoàng Văn Q - 22 tuổi địa chỉ: Tổ A, phường H, thị xã Y (nay là thành phố Y) và bà Phạm Thanh H1 – 18 tuổi, địa chỉ: Tổ C, phường H, thị xã Y (nay là thành phố Y), đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y vào ngày 25 tháng 4 năm 1989 có chữ ký của ông Q, bà H1. Cùng ngày, ông bà đã được ủy ban nhân dân phường H, thị xã Y cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 quyển số 01 Mẫu TP/HT-1999-B.2. UBND phường đã chỉ đạo C các sổ lưu trữ về thông tin đăng ký thường trú, qua rà soát thông tin trong dữ liệu dân cư của ông Hoàng Văn Q thể hiện ông Hoàng Văn Q sinh ngày 07/03/1971. Như vậy, tại thời điểm ông Q đăng ký kết hôn với bà H1 tại Ủy ban nhân dân phường thì ông Q chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay bà H1 khởi kiện xin ly hôn ông Q, các bên đã đủ điều kiện về tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án đến khi nghị án đã đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Phạm Thanh H1 được ly hôn ông Hoàng Văn Q; giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, bị đơn ông Hoàng Văn Q có hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thanh H1 kết hôn với ông Hoàng Văn Q ngày 25/4/1989, tại UBND phường H, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là thành phố Y, tỉnh Yên Bái) trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm ông bà đăng ký kết hôn, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đang có hiệu lực pháp luật. Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu thể hiện ông Hoàng Văn Q sinh ngày 07/3/1971. Như vậy, ông Q chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Thời điểm ông Q đủ tuổi kết hôn được xác định là từ ngày 08/3/1990. Ông Q, bà H1 có đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm các 6,7 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp từ thời điểm ông Q có đủ tuổi kết hôn tính từ ngày 08/3/1990.

Ông bà đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến xô xát cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa và đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho vợ chồng ông bà được ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H1 và ông Q đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình quy định đối với trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên không đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó đủ điều kiện kết hôn theo quy định Tại điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau: *“c) Trường hợp hai bên cùng yêu cầu tòa án cho ly hôn hoặc một bên yêu cầu ly hôn, còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn..”*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà H1, ông Q là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Ông bà đều xác nhận có 01 con chung: Hoàng Thị Kim A, sinh ngày 22/9/1989, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung: Bà H1, ông Q không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thanh H1 được ly hôn ông Hoàng Văn Q

2. Về án phí: Bà Phạm Thanh H1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: AA/2024/0001693 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P. Hồng Hà, TP Yên Bái
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Văn